



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 29.6.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LE 4.12

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42517850200000001	NGUYEN MINH PHUONG	女	2004-11-23	031304009562	LE 4.12	
2	H42517850200000002	NGUYEN THUY NGA	女	1999-07-08	001199015646	LE 4.12	
3	H42517850200000003	LE THI HONG ANH	女	2007-03-09	042307000126	LE 4.12	
4	H42517850200000004	NGUYEN THI THUY	女	1998-01-07	026198003323	LE 4.12	
5	H42517850200000005	LE THI NGOC LIEN	女	1998-02-12	025198003567	LE 4.12	
6	H42517850200000006	NGUYEN QUYNH TRANG	女	2007-12-06	042307010482	LE 4.12	
7	H42517850200000007	NGUYEN THI GIANG	女	2003-03-24	036303010874	LE 4.12	
8	H42517850200000008	HOANG NGOC LAN	男	2003-06-23	030203003336	LE 4.12	
9	H42517850200000009	NGUYEN PHUONG THAO	女	2007-10-04	020307004241	LE 4.12	
10	H42517850200000010	LUONG THI THUY TRANG	女	2004-04-01	036304002740	LE 4.12	
11	H42517850200000011	TRAN THI HUYEN TRANG	女	2003-05-21	075303014748	LE 4.12	
12	H42517850200000012	NGUYEN HUONG GIANG	女	2008-03-23	001308008033	LE 4.12	
13	H42517850200000013	NGO THI NGOC ANH	女	2006-01-16	026306007146	LE 4.12	
14	H42517850200000014	NGUYEN MAI PHUONG	女	2006-06-22	001306024504	LE 4.12	
15	H42517850200000015	NGUYEN THI MINH ANH	女	2006-04-18	001306021930	LE 4.12	
16	H42517850200000016	NGUYEN DUC ANH THAI	男	1998-04-15	022098001216	LE 4.12	
17	H42517850200000017	DO NGOC MAI PHUONG	女	2008-03-12	022308010344	LE 4.12	
18	H42517850200000018	DAO NGUYEN XUAN MAI	女	2008-11-24	022308000115	LE 4.12	
19	H42517850200000019	TRINH THAO VAN	女	2008-05-28	022308000839	LE 4.12	
20	H42517850200000020	NGUYEN THI MINH KHANG	女	2008-10-09	022308001316	LE 4.12	
21	H42517850200000021	NGUYEN TIEN DUNG	男	2003-09-16	033203002536	LE 4.12	
22	H42517850200000022	DICH VAN TUAN ANH	男	2003-11-26	020203006763	LE 4.12	
23	H42517850200000023	NGUYEN PHUONG THANH	女	2008-01-08	037308003137	LE 4.12	
24	H42517850200000024	NGUYEN THU HIEN	女	2008-12-03	027308002499	LE 4.12	
25	H42517850200000025	PHAN DIEU LINH	女	2008-12-11	027308003872	LE 4.12	
26	H42517850200000026	NGUYEN PHUONG UYEN	女	2008-12-29	024308000966	LE 4.12	
27	H42517850200000027	NGUYEN MINH QUAN	男	2008-10-14	028208006816	LE 4.12	
28	H42517850200000028	HOANG TRONG KHIEM	男	1997-05-20	024097011600	LE 4.12	
29	H42517850200000029	BUI TUNG DUONG	男	2002-08-24	022202005065	LE 4.12	
30	H42517850200000030	TRAN MINH CHAU	女	2008-01-24	036308000406	LE 4.12	
31	H42517850200000031	NGUYEN THANH HUYEN	女	1999-11-15	036199002920	LE 4.12	
32	H42517850200000032	LE DUC HAI	男	1999-06-21	035099001148	LE 4.12	
33	H42517850200000033	TRINH THI LINH CHI	女	2002-09-18	035302002857	LE 4.12	

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 29.6.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LE 4.14

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42517850200000034	VO THUY DUYEN	女	2003-01-04	019303000964	LE 4.14	
2	H42517850200000035	TRAN QUANG DUY	男	2007-12-07	001207034055	LE 4.14	
3	H42517850200000036	NGUYEN YEN NHI	女	2007-12-03	015307004632	LE 4.14	
4	H42517850200000037	NGUYEN THI PHU	女	1996-06-10	038196017505	LE 4.14	
5	H42517850200000038	NGO THI BICH	女	2002-08-10	024302004719	LE 4.14	
6	H42517850200000039	NGUYEN ANH HANG	女	2007-07-21	008307006237	LE 4.14	
7	H42517850200000040	TRAN THI HONG THOM	女	1998-11-22	036198017127	LE 4.14	
8	H42517850200000041	NGUYEN THI HOAI THUONG	女	2004-02-10	019304006870	LE 4.14	
9	H42517850200000042	PHUNG VU VAN KHANH	女	2009-10-20	015309003958	LE 4.14	
10	H42517850200000043	MA THI NGOC LAN	女	2002-07-13	019302010138	LE 4.14	
11	H42517850200000044	DANG THANH LUONG	男	2007-07-24	020207004596	LE 4.14	
12	H42517850200000045	TRAN HAI ANH	男	2000-10-04	034200002539	LE 4.14	
13	H42517850200000046	NGUYEN ICH TUNG	男	1997-06-27	019097000548	LE 4.14	
14	H42517850200000047	DANG THI TRANG	女	2001-05-27	024301014080	LE 4.14	
15	H42517850200000048	NGUYEN NGOC CHIEN	女	2002-08-21	024302013742	LE 4.14	
16	H42517850200000049	NINH THI HONG	女	2001-03-07	019301006510	LE 4.14	
17	H42517850200000050	NGUYEN THI MY HANH	女	2001-05-13	034301011387	LE 4.14	
18	H42517850200000051	DUONG A NHI	男	2000-07-15	022200006370	LE 4.14	
19	H42517850200000052	LUONG VAN MANH	男	2000-07-25	010200004394	LE 4.14	
20	H42517850200000053	HOANG PHUONG NAM	男	2003-03-11	024203003059	LE 4.14	
21	H42517850200000054	NGUYEN PHUONG THAO	女	2006-10-22	001306007825	LE 4.14	
22	H42517850200000055	VU NHU QUYNH	女	2000-09-22	019300009623	LE 4.14	
23	H42517850200000056	LY CAO DUY KHANH	男	2007-11-26	001207048564	LE 4.14	
24	H42517850200000057	NGUYEN THI HIEP	女	2000-08-25	024300010335	LE 4.14	
25	H42517850200000058	HA THI HUE	女	2003-11-01	024303001266	LE 4.14	
26	H42517850200000059	LUONG THI NHUONG	女	1998-10-06	040198004938	LE 4.14	
27	H42517850200000060	KIEU THI NGÀ	女	1995-06-13	001195010728	LE 4.14	
28	H42517850200000061	NGUYEN THI DIEU LINH	女	2005-09-15	001305053068	LE 4.14	
29	H42517850200000062	BUI THI LUAN	女	2002-07-01	025302010383	LE 4.14	
30	H42517850200000063	NGUYEN THI ANH DAO	女	2002-09-06	019302004209	LE 4.14	
31	H42517850200000064	VU HONG HANH	女	2006-11-30	001306032788	LE 4.14	
32	H42517850200000065	NGUYEN PHUONG UYEN	女	2005-06-04	001305010364	LE 4.14	
33	H42517850200000066	VU THI THU HUONG	女	2001-08-12	035301004188	LE 4.14	
34	H42517850200000067	VANG THI XUYEN	女	2005-01-26	010305000700	LE 4.14	



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 29.6.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LE 5.17

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42517850200000068	NGUYEN TU ANH	女	2003-04-04	027303008685	LE 5.17	
2	H42517850200000069	NGUYEN THI THO	女	2001-11-20	019301006384	LE 5.17	
3	H42517850200000070	CAO NGUYEN HA LINH	女	2007-07-09	019307009606	LE 5.17	
4	H42517850200000071	PHAM MAI THANH NGOC	女	2007-02-12	001307002787	LE 5.17	
5	H42517850200000072	VU THI KHANH LINH	女	2007-12-06	019307008341	LE 5.17	
6	H42517850200000073	NGUYEN THI HONG	女	2000-07-14	024300009613	LE 5.17	
7	H42517850200000074	NGUYEN THI THUY HANG	女	2008-10-31	027308006139	LE 5.17	
8	H42517850200000075	NGO THI NHU QUYNH	女	2008-06-24	027308002252	LE 5.17	
9	H42517850200000076	NGUYEN THANH THAO	女	2003-10-26	001303041156	LE 5.17	
10	H42517850200000077	NGUYEN THI ANH	女	2008-06-06	027308004896	LE 5.17	
11	H42517850200000078	HA KHANH LINH	女	2008-02-16	019308009647	LE 5.17	
12	H42517850200000079	HA LE PHUONG	女	2004-09-20	038304006873	LE 5.17	
13	H42517850200000080	HOANG PHUONG LINH	女	2006-02-25	036306000054	LE 5.17	
14	H42517850200000081	NGUYEN DAO MINH ANH	女	2009-10-31	031309001366	LE 5.17	
15	H42517850200000082	VU CHI VUONG	男	1993-11-30	034093003438	LE 5.17	
16	H42517850200000083	VU VIET TAP	男	1995-03-05	034095001318	LE 5.17	
17	H42517850200000084	NONG THI ANH TUYET	女	2003-11-04	006303003199	LE 5.17	
18	H42517850200000085	NGUYEN DINH BINH	男	2003-03-01	019203000291	LE 5.17	
19	H42517850200000086	NGUYEN MAI HONG	女	2001-09-04	025301001279	LE 5.17	
20	H42517850200000087	LE HONG PHUONG	女	2004-11-06	025304003676	LE 5.17	
21	H42517850200000088	NGUYEN THI HAO	女	1986-07-28	001186026394	LE 5.17	
22	H42517850200000089	NGUYEN THU HOAI	女	2004-08-11	025304002692	LE 5.17	
23	H42517850200000090	DANG NHAT YEN	女	2008-12-08	037308003113	LE 5.17	
24	H42517850200000091	TRAN THI LOAN	女	2002-03-10	035302001460	LE 5.17	
25	H42517850200000092	DAO THU TRA	女	2002-03-13	014302008490	LE 5.17	
26	H42517850200000093	LA THI YEN CHI	女	2006-02-13	020306001080	LE 5.17	
27	H42517850200000094	NGUYEN THI NGOC	女	2004-09-01	042304011028	LE 5.17	
28	H42517850200000095	LE VIET HA	女	1979-09-28	031179016658	LE 5.17	
29	H42517850200000096	NGUYEN MAI ANH	女	2005-02-18	001305011449	LE 5.17	
30	H42517850200000097	NGUYEN THI PHUONG MAI	女	1995-09-29	019195005890	LE 5.17	
31	H42517850200000098	NGUYEN VAN HUONG	男	1994-01-13	027094000642	LE 5.17	
32	H42517850200000099	DUONG THI DUYEN	女	1989-12-01	019189000664	LE 5.17	
33	H42517850200000100	TRINH THUY LINH	女	2005-02-13	038305013099	LE 5.17	
34	H42517850200000101	NGUYEN QUYNH TRANG	女	2004-12-08	015304009307	LE 5.17	

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 29.6.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LE 5.18

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42517850200000102	NGUYEN THI THUY	女	2007-05-02	036307016160	LE 5.18	
2	H42517850200000103	DOAN THI NU	女	1995-12-12	017195001957	LE 5.18	
3	H42517850200000104	HA THI THU UYEN	女	2007-11-14	014307011740	LE 5.18	
4	H42517850200000105	LE THI HUE	女	1999-05-10	038199004318	LE 5.18	
5	H42517850200000106	NGUYEN THI LAN	女	1988-05-16	027188000025	LE 5.18	
6	H42517850200000107	DO PHUONG THUY	女	2004-07-05	019304010257	LE 5.18	
7	H42517850200000108	TRUONG PHUONG LINH	女	2006-05-31	038306030660	LE 5.18	
8	H42517850200000109	VU CAM TU	女	2001-08-31	001301003841	LE 5.18	
9	H42517850200000110	DO VAN THANH	男	2002-12-08	022202002187	LE 5.18	
10	H42517850200000111	LE PHUONG ANH	女	2008-08-14	027308000260	LE 5.18	
11	H42517850200000112	LE KHANH LAN	女	2008-06-16	022308002806	LE 5.18	
12	H42517850200000113	PHAN THI LAN HUONG	女	2000-10-27	033300006831	LE 5.18	
13	H42517850200000114	NGUYEN NGOC KHANH	女	2008-02-18	025308001858	LE 5.18	
14	H42517850200000115	NGUYEN THI LAN	女	2004-05-15	042304003841	LE 5.18	
15	H42517850200000116	TRAN VAN BACH	男	2001-10-19	033201003491	LE 5.18	
16	H42517850200000117	PHAM THI MAI	女	2003-07-05	036303006110	LE 5.18	
17	H42517850200000118	DAO THI MAI	女	2001-03-01	019301018365	LE 5.18	
18	H42517850200000119	TRAN THI MAI LINH	女	2006-03-07	036306011980	LE 5.18	
19	H42517850200000120	NGUYEN PHUONG THAO	女	2000-09-25	001300023489	LE 5.18	
20	H42517850200000121	NGO KHANH LY	女	2006-05-15	027306009147	LE 5.18	
21	H42517850200000122	LANH QUYNH NGAN	女	2003-02-18	020303002377	LE 5.18	
22	H42517850200000123	VU TRUNG KIEN	男	1986-05-23	027086012379	LE 5.18	
23	H42517850200000124	HA HOANG NGAN	女	2002-03-20	006302002850	LE 5.18	
24	H42517850200000125	LE THANH TAM	女	2003-09-03	042303003352	LE 5.18	
25	H42517850200000126	NGUYEN THI QUYEN	女	2008-07-07	019308001323	LE 5.18	
26	H42517850200000127	BUI HA VY	女	2004-11-02	040304014646	LE 5.18	
27	H42517850200000128	HOANG THI LOAN	女	2002-03-12	001302034048	LE 5.18	
28	H42517850200000129	THAI THI MAI HOA	女	1993-03-25	040193009703	LE 5.18	
29	H42517850200000130	PHAM THI THU HUYN	女	2006-07-18	008306005897	LE 5.18	
30	H42517850200000131	TA THI NHUNG	女	2001-05-23	019301006622	LE 5.18	
31	H42517850200000132	NGUYEN THI MINH KHUE	女	1995-07-06	024195001097	LE 5.18	
32	H42517850200000133	NGUYEN MINH THUY	女	2003-10-09	024303001448	LE 5.18	
33	H42517850200000134	NGUYEN THANH HIEU	男	2000-02-20	052200013853	LE 5.18	
34	H42517850200000135	DAN THI PHUONG	女	2008-01-01	024308011718	LE 5.18	



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 29.6.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LE 5.21

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42517850200000136	HOANG THU DUYEN	女	2005-12-24	001305028052	LE 5.21	
2	H42517850200000137	NGUYEN THI HONG NHUNG	女	2001-12-17	026301001944	LE 5.21	
3	H42517850200000138	HOANG THI THANH NGA	女	1993-11-21	026193004143	LE 5.21	
4	H42517850200000139	DO THI THUY LINH	女	2003-05-21	019303003514	LE 5.21	
5	H42517850200000140	HA THI HUYEN	女	1994-03-03	004194005262	LE 5.21	
6	H42517850200000141	NGUYEN THI NGA	女	1998-02-10	038198024210	LE 5.21	
7	H42517850200000142	PHUNG VAN QUANG	男	2006-06-01	024206008458	LE 5.21	
8	H42517850200000143	HA THI HUONG	女	2006-03-03	024306011322	LE 5.21	
9	H42517850200000144	CHU THI BAC	女	1999-09-15	026199005058	LE 5.21	
10	H42517850200000145	NGUYEN THI HUONG GIANG	女	2008-07-13	027308004662	LE 5.21	
11	H42517850200000146	DO KHANH HUYEN	女	2004-11-18	027304001047	LE 5.21	
12	H42517850200000147	DO DUC HUNG	男	2002-06-02	027202002924	LE 5.21	
13	H42517850200000148	DANG THI HUYEN	女	2004-02-18	019304009837	LE 5.21	
14	H42517850200000149	VU KHANH NGOC	女	2009-12-29	031309010664	LE 5.21	
15	H42517850200000150	LE THU TRANG	女	2008-02-04	001308017939	LE 5.21	
16	H42517850200000151	MAI DINH MINH QUAN	男	2008-05-12	001208047895	LE 5.21	
17	H42517850200000152	TRIEU THI HONG THAM	女	2004-09-05	008304005171	LE 5.21	
18	H42517850200000153	LUONG ANH DUNG	男	2008-11-02	019208003584	LE 5.21	
19	H42517850200000154	NGUYEN THUY TRANG	女	1997-09-25	010197007948	LE 5.21	
20	H42517850200000155	NGUYEN THI BICH NGOC	女	1995-07-12	019195001950	LE 5.21	
21	H42517850200000156	HOANG THI DIEP	女	2003-10-30	020303006752	LE 5.21	
22	H42517850200000157	LE YEN NHI	女	2005-09-16	036305007985	LE 5.21	
23	H42517850200000158	CHU THI HOAI THUONG	女	2002-06-11	035302001321	LE 5.21	
24	H42517850200000159	NGUYEN KHANH LY	女	2006-08-06	019306000828	LE 5.21	
25	H42517850200000160	NGUYEN PHUONG ANH	女	2006-10-31	022306002955	LE 5.21	
26	H42517850200000161	NGUYEN HA PHUONG	女	2006-04-13	030306001254	LE 5.21	
27	H42517850200000162	HOANG THI KHANH LY	女	2005-06-27	020305003472	LE 5.21	
28	H42517850200000163	DAU THI YEN NHI	女	2005-01-03	067305004930	LE 5.21	
29	H42517850200000164	VU THI QUYNH	女	2003-08-22	0240303002275	LE 5.21	
30	H42517850200000165	NGUYEN THI THUONG	女	1996-09-29	019196008655	LE 5.21	
31	H42517850200000166	LUAN VAN HAI	男	1992-12-25	004092008907	LE 5.21	
32	H42517850200000167	NGUYEN THI LINH	女	1997-07-09	019197004146	LE 5.21	
33	H42517850200000168	TRAN BAO NGOC	女	2008-08-20	037308009405	LE 5.21	
34	H42517850200000169	LUU THI HONG	女	2000-07-26	019300003742	LE 5.21	



ĐANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 29.6.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - IE 4.13

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42517850200000170	NGUYEN HOANG QUYEN	女	2007-02-09	027307011558	IE 4.13	
2	H42517850200000171	DO THI MAI LINH	女	2006-11-22	038306016050	IE 4.13	
3	H42517850200000172	NGO VAN DUNG	男	2000-10-05	024200014559	IE 4.13	
4	H42517850200000173	HUA DIEU LIEN	女	1994-03-26	006194004573	IE 4.13	
5	H42517850200000174	PHAN HOAI THU	女	2001-09-15	026301000339	IE 4.13	
6	H42517850200000175	PHAN THI KHANH HUYEN	女	2004-06-01	042304008979	IE 4.13	
7	H42517850200000176	NGUYEN THI THUY LINH	女	1999-08-26	001199030878	IE 4.13	
8	H42517850200000177	NGUYEN THI TUYET NGAN	女	1994-03-08	042194013398	IE 4.13	
9	H42517850200000178	TAN LE HA	女	2003-10-18	010303001636	IE 4.13	
10	H42517850200000179	TRAN THUY LINH	女	2004-01-10	024304003415	IE 4.13	
11	H42517850200000180	LA THI THU HIEN	女	2007-07-02	002307006833	IE 4.13	
12	H42517850200000181	VU TIEN DUONG	男	2002-04-19	035202005033	IE 4.13	
13	H42517850200000182	DO THI NGOC HANH	女	2007-12-09	024307008935	IE 4.13	
14	H42517850200000183	TRAN KHANH VY	女	2005-05-08	001305007641	IE 4.13	
15	H42517850200000184	VU HOAI THUONG	女	2007-02-24	015307004762	IE 4.13	
16	H42517850200000185	LUONG THI NGUYET	女	2005-04-11	020305005505	IE 4.13	
17	H42517850200000186	HOANG BAO NGOC	男	1998-11-04	022098002193	IE 4.13	
18	H42517850200000187	NGUYEN THI THANH HA	女	2003-10-28	024303004086	IE 4.13	
19	H42517850200000188	DINH THANH VAN	男	2002-10-10	024202007620	IE 4.13	
20	H42517850200000189	DUONG THI MAI HANH	女	2005-06-15	024305005715	IE 4.13	
21	H42517850200000190	NGUYEN THI PHUONG	女	2005-07-26	027305006805	IE 4.13	
22	H42517850200000191	LUONG THI HIEN	女	2005-05-03	020305006587	IE 4.13	
23	H42517850200000192	DO MINH GIANG	男	2006-01-16	024206008219	IE 4.13	
24	H42517850200000193	NGUYEN THI YEN	女	2003-03-30	027303012076	IE 4.13	
25	H42517850200000194	NGUYEN THI THAO NGUYEN	女	2003-12-28	024303008198	IE 4.13	
26	H42517850200000195	LE NGUYEN HOANG MY	女	2003-08-05	079303022726	IE 4.13	
27	H42517850200000196	NGUYEN NHU QUYNH	女	2002-03-09	019302006655	IE 4.13	
28	H42517850200000197	NUNG THI THUY	女	2007-07-15	002307009366	IE 4.13	
29	H42517850200000198	TRAN LE QUAN	男	1990-12-22	040090020271	IE 4.13	
30	H42517850200000199	PHAM THI LINH	女	1997-02-23	019197003528	IE 4.13	
31	H42517850200000200	NGUYEN VAN THANH	男	2007-02-11	030207006226	IE 4.13	
32	H42517850200000201	LUONG NHAT QUANG	男	2006-04-06	022206010884	IE 4.13	
33	H42517850200000202	CHU THI HOA	女	2002-03-30	024302013365	IE 4.13	
34	H42517850200000203	PHAM KIM NGAN	女	2005-09-08	001305020113	IE 4.13	